

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
 ※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

[별지 제19호서식] <개정 2022. 5. 25.>
 [Mẫu đính kèm số 19] <Sửa đổi 2022. 5. 25.>

(앞 쪽)
 (Mặt trước)

건설기계등록번호표 제작 등 통지(명령·신청)서 GIẤY THÔNG BÁO (YÊU CẦU, ĐĂNG KÝ) CHẾ TÁC BIẾN SỐ ĐĂNG KÝ THIẾT BỊ XÂY DỰNG				처리기간 Thời gian xử lý
				즉 시 Ngay lập tức
소유자 • 신청인 Người sở hữu, người đăng ký	상호(명칭) Họ tên (tên gọi)			
	성명(대표자) Họ tên (người đại diện)		생 년 월 일 Năm, tháng, ngày sinh	
	주 소 Địa chỉ			
건 설 기 계 명 Tên máy móc thiết bị xây dựng			건설기계등록번호 Số đăng ký thiết bị xây dựng	
규 격 및 형 식 Quy cách và hình thức			차 대 일 련 번 호 Số khung xe	
구 분 Phân loại	☐ 분실 ☐ 훼손 ☐ Bị mất ☐ Hư hỏng	등록번호표제작매수 Số lượng biển số đăng ký chế tác		
사 고 일 시 Ngày xảy ra tai nạn			사 고 장 소 Địa điểm xảy ra tai nạn	
사 유 Lí do				

Tôi xin thông báo (yêu cầu, đăng ký) về việc chế tác biển số đăng ký thiết bị xây dựng theo Điều 17, Điều 18 “Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thiết bị sản xuất”.

신청인: (서명 또는 인)
 Người làm đơn: (Kí tên hoặc đóng dấu)

Kính gửi **Chủ tịch thành phố (si), tỉnh (do)**

<p>※ 구비서류: 등록번호표(혈어 못쓰게 되어 재부착 등을 신청하는 경우에 한정합니다), 등록번호표 분실·도난에 대해 경찰관서의 장이 확인하였음을 증명하는 서류(분실 또는 도난으로 등록번호표 변경을 신청하는 경우에 한정합니다)</p> <p>※ Tài liệu cần thiết: Văn bản xác nhận của thủ trưởng công an đối với biển số đăng ký (trong trường hợp đăng ký cấp lại do bị hư hỏng không thể sử dụng), bị mất hoặc bị trộm biển số đăng ký (trong trường hợp đăng ký thay đổi biển số đăng ký do bị mất hoặc bị trộm)</p>	<p>수수료 Lệ phí</p>
	<p>없음 Không có</p>

210mm × 297mm(신문용지 54g/ m²)

(뒷 쪽)
(Mặt sau)

분실경위 :
Lí do mất:

이 신청서는 아래와 같이 처리됩니다.
Đơn đăng ký này được xử lý như sau.

